
CHỦ QUYỀN LƯƠNG THỰC: THẢO LUẬN RỦI RO CỦA NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ TRONG CHUỖI GIÁ TRỊ CHANH LEO

Nguyễn Minh Đức

Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Email: nmduc@vnua.edu.vn

Nguyễn Vinh Quang

Forest Trends Việt Nam

Email: nvquang@gmail.com

Nguyễn Đức Mạnh

Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Email: ndmanh1908@gmail.com

Mã bài: JED-1332

Ngày nhận bài: 04/08/2023

Ngày nhận bài sửa: 07/12/2023

Ngày duyệt đăng: 18/12/2023

DOI: 10.33301/JED.VI.S1332

Tóm tắt

Chủ quyền lương thực là một vấn đề quan trọng đối với những người nông dân sản xuất nhỏ ở các quốc gia đang phát triển khi tham gia vào các chuỗi giá trị nông sản toàn cầu. Nghiên cứu này thảo luận vấn đề chủ quyền lương thực của người dân tộc thiểu số ở Sơn La khi họ tham gia vào chuỗi giá trị chanh leo. Bài viết sử dụng các phương pháp nghiên cứu định tính và thống kê nhằm đánh giá các hiệu quả sản xuất và những rủi ro về sinh kế có thể gây ra vấn đề về chủ quyền lương thực mà người nông dân dân tộc thiểu số có thể đối mặt. Kết quả nghiên cứu cho thấy, người nông dân chưa có sự chuẩn bị đầy đủ về năng lực sản xuất, kiến thức thị trường, nguồn vốn khi tham gia sản xuất chanh leo theo chuỗi giá trị. Hậu quả là họ đã bị tổn thương về sinh kế do chưa đủ năng lực quản lý rủi ro về sản xuất và thị trường. Điều này tạo ra các vấn đề bảo đảm chủ quyền lương thực đối với họ.

Từ khóa: Phát triển bền vững, chủ quyền lương thực, chuỗi giá trị nông sản.

Mã JEL: Q18

Food sovereignty: Discussing the risks of ethnic minorities in the passion fruit value chain

Abstract

Food sovereignty is an important issue for smallholder farmers in developing countries as they participate in global agricultural value chains. This study investigates the food sovereignty of ethnic minorities in Son La when they participate in the passion fruit value chain. The study uses qualitative and statistical methods to evaluate the economic efficiency of production and the risks to livelihoods and consequently food sovereignty problems that ethnic minority farmers face. Research results show that farmers are not fully prepared regarding production capacity, market knowledge, and lack of financial capital when participating in the passion fruit value chain. Consequently, they have suffered livelihood vulnerabilities due to their inability to manage production risks and market shocks. This gradually leads to weakening the ability to guarantee their food sovereignty.

Keywords: Sustainable development, food sovereignty, agricultural value chain.

JEL Code: Q18

1. Đặt vấn đề

Ở Việt Nam, nông nghiệp vẫn là ngành kinh tế vô cùng quan trọng. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, năm 2022 tổng giá trị sản xuất của ngành nông nghiệp đạt 48,6 tỷ USD (Tổng cục thống kê, 2022). Kim ngạch xuất khẩu nông sản tăng vọt từ 4,85 tỷ USD năm 2001 lên 53,2 tỷ USD năm 2022, chiếm hơn 14,3% tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước. Việt Nam vươn lên là một trong những nước có kim ngạch xuất khẩu nông sản cao nhất thế giới năm 2022.

Những thành tựu đạt được nêu trên được xác định là nhờ những chính sách của nhà nước trong ngành nông nghiệp. Những chính sách này đã chuyển hướng ngành nông nghiệp từ sản xuất quy mô nhỏ sang sản xuất quy mô lớn, khuyến khích người nông dân liên kết sản xuất theo chuỗi, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, đưa giống mới thay thế giống bản địa để tăng năng suất và phục vụ nhu cầu xuất khẩu.

Mặc dù vậy, kinh nghiệm trên thế giới cho thấy việc chuyển đổi sản xuất nông nghiệp nền sản xuất nhỏ sang sản xuất quy mô lớn, theo định hướng thị trường cũng tiềm ẩn rủi ro về sinh kế cho những hộ nông dân sản xuất nhỏ (Patel, 2009; Soper, 2020). Khi tham gia các chuỗi giá trị và phụ thuộc vào các tác nhân bên ngoài để tiêu thụ sản phẩm sản xuất, hộ nông dân mất quyền tự quyết và do đó đối mặt với nguy cơ mất nguồn sinh kế ổn định (Van Den Broeck & cộng sự, 2017; Soper, 2020).

Những năm qua, nhiều địa phương, thực hiện phát triển nông nghiệp hàng hóa, định hướng xuất khẩu, đã khuyến khích hộ nông dân tham gia các liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị. Điều này dẫn đến các mối quan ngại liên quan đến sinh kế bền vững, an ninh lương thực và gần đây là vấn đề chủ quyền lương thực của người nông dân nghèo khi họ tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu. Chính vì vậy, trong bối cảnh các chính sách phát triển nông nghiệp của Việt Nam tập trung theo hướng sản xuất hàng hoá quy mô lớn, theo chuỗi giá trị, bài viết này thảo luận vấn đề chủ quyền lương thực của người DTTS ở tỉnh Sơn La khi họ tham gia vào mối liên kết sản xuất chanh leo theo chuỗi giá trị.

2. Tổng quan nghiên cứu

Trong hơn ba thập kỉ vừa qua, hàng triệu nông dân quy mô vừa và nhỏ trên khắp thế giới đã bị tách khỏi đất đai của chính họ bởi các chính sách của chính phủ trong việc khuyến khích các tập đoàn tư bản kinh doanh nông nghiệp quy mô lớn tham gia sản xuất thực phẩm cho mục đích xuất khẩu. Đồng thời, việc nhập khẩu thực phẩm cũng đã phá hủy hệ thống sản xuất thực phẩm ở cấp độ địa phương và quốc gia. Kết quả là nhiều quốc gia hiện mất khả năng sản xuất, cung cấp lương thực và dần trở nên phụ thuộc vào việc nhập khẩu thực phẩm (Claeys, 2015). Để phản ứng điều này, FAO đã tạo ra khái niệm về an ninh lương thực với mục đích đảm bảo rằng các chính phủ có trách nhiệm cung cấp lương thực cho mọi công dân. Tại Hội nghị Lương thực Thế giới của FAO năm 1996, La Vía Campesina, một tổ chức đại diện cho nông dân sản xuất nhỏ đã đưa ra khái niệm Chủ quyền lương thực (Food Sovereignty) phản biện quan điểm của FAO (Andrée & cộng sự, 2014). Chủ quyền lương thực là quyền của người dân và cộng đồng đối với các sản phẩm nông nghiệp có lợi cho sức khoẻ và phù hợp về văn hoá, được trồng hay sản xuất ra bằng các phương pháp phù hợp và bền vững về mặt sinh thái, văn hóa; và quyền quyết định xây dựng hệ thống lương thực và nông nghiệp của người dân (Soper, 2020).

Theo Claeys (2015), chủ quyền lương thực bao gồm 6 khía cạnh chính:

- Chủ quyền lương thực đặt quyền được có đủ thực phẩm lành mạnh và phù hợp với văn hóa cho tất cả mọi người vào trọng tâm của các chính sách nông nghiệp.
- Xem trọng vai trò của nông dân sản xuất nhỏ trong việc cung cấp lương thực, thực phẩm; phản đối những chính sách, chương trình phát triển nông nghiệp có nguy cơ đe dọa sinh kế của nông dân và loại bỏ nông dân khỏi tư liệu sản xuất nông nghiệp.
- Địa phương hóa các hệ thống lương thực, thực phẩm nhằm mang các nhà cung cấp thực phẩm và người tiêu dùng đến gần nhau hơn tạo ra mối quan hệ hai bên cùng có lợi.
- Đặt sự kiểm soát tài nguyên thiên nhiên ở cấp độ địa phương: Tôn trọng quyền của nông dân sản xuất nhỏ trong việc kiểm soát đất đai, con/cây giống.
- Xây dựng, thúc đẩy phổ biến kiến thức và kỹ năng bản địa, truyền thống: Coi trọng kỹ năng và kiến thức bản địa nhằm sản xuất, thu hoạch thực phẩm bền vững.

- Phương thức sản xuất thân thiện với tự nhiên: Tập trung vào các phương pháp sản xuất nhằm tối đa hóa sự đóng góp của hệ sinh thái, tránh những hình thức sản xuất tốn kém và độc hại (ví dụ như độc canh), đồng thời nâng cao khả năng phục hồi của hệ thống thực phẩm bản địa trước những tác động của biến đổi khí hậu.

Dựa trên tiếp cận chủ quyền lương thực, nhiều nghiên cứu ở các quốc gia đang phát triển đã chỉ ra rằng: i) Quyền sử dụng đất an toàn cũng như khả năng tiếp cận và kiểm soát các yếu tố khác của hệ sinh thái tự nhiên là những điều kiện cần thiết để bảo đảm sinh kế bền vững cho người nông dân (Heredia & cộng sự, 2006; Brun, 2018), ii) Quyền sử dụng đất không được bảo đảm ở một số nước gây trở ngại cho phát triển nông nghiệp bền vững và bảo đảm chủ quyền lương thực cho nông dân (Misra, 2018; Anderson & cộng sự, 2021); iii) Bảo đảm chủ quyền lương thực thông qua sản xuất nông nghiệp truyền thống, bảo tồn, duy trì và lan truyền kiến thức bản địa dựa vào cộng đồng ở Châu Mỹ Latinh (Parraguez-Vergara & cộng sự, 2018), iv) Bảo đảm chủ quyền lương thực thông qua khuyến khích thực hành sản xuất nông nghiệp hữu cơ ở Indonesia (Schreer & Padmanabhan, 2020).

Ở Việt Nam, trong các định hướng, chiến lược phát triển nông nghiệp là hướng đến phát triển ngành nông nghiệp hiện đại, sản xuất hàng hóa lớn, nâng cao giá trị các sản phẩm nông nghiệp đồng thời bảo đảm an ninh lương thực, an toàn thực phẩm, thích ứng biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường sinh thái (Nguyễn Văn Hùng, 2021; Lê Quang Tuấn, 2022; Phan Thị Minh Hiền, 2022). Các mục tiêu này khá gần gũi với nội dung của chủ quyền lương thực. Tuy nhiên, chủ quyền lương thực cho đến nay vẫn là một khái niệm chưa phổ biến trong thảo luận về chương trình, chính sách của Nhà nước cũng như chưa được quan tâm nghiên cứu trong cộng đồng khoa học tại Việt Nam.

3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện trên địa bàn hai huyện Mộc Châu, Vân Hồ của tỉnh Sơn La trong hai năm 2019 và 2021. Hai huyện được chọn vì đây là hai vùng trồng chanh leo sớm nhất và có diện tích trồng chanh leo theo mô hình liên kết chuỗi giá trị lớn nhất của tỉnh Sơn La trong giai đoạn 2017-2020. Các công cụ thu thập thông tin sơ cấp được tóm tắt như sau:

(1) Năm 2019 và 2021, phỏng vấn sâu: i) Đại diện lãnh đạo Ủy ban Nhân dân Tỉnh Sơn La, lãnh đạo ủy ban nhân dân huyện và các cơ quan chuyên môn trong lĩnh vực nông nghiệp tại 2 huyện Mộc Châu và Vân Hồ.

(2) Năm 2019 và 2021, thảo luận nhóm với nông dân người DTTS trồng chanh leo có liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị ở 6 xã (4 xã ở huyện Mộc Châu: Chiềng Khừa, Tân Lập, Tân Hợp, Phiêng Luông và 2 xã ở huyện Vân Hồ: Vân Hồ, Chiềng Yên) có diện tích vùng nguyên liệu sản xuất chanh leo theo chuỗi giá trị lớn nhất tại 2 huyện. Nội dung thảo luận tập trung vào kết quả sản xuất chanh leo, mối liên kết giữa người dân với doanh nghiệp và các lợi ích, rủi ro mà họ gặp phải khi tham gia vào chuỗi giá trị.

(3) Năm 2019, điều tra hộ, mẫu điều tra được tính toán theo phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên. Tại 6 xã điều tra, với khoảng tin cậy ở mức 90%, nghiên cứu này áp dụng công thức xác định kích thước mẫu với tổng thể mẫu lớn (De Vaus, 2013), kích thước mẫu nghiên cứu được xác định là 96. Trên thực tế có 140 hộ đã được khảo sát. Nội dung khảo sát là năng lực sản xuất, chi phí và kết quả sản xuất và tiêu thụ chanh leo, liên kết của hộ nông dân với các tác nhân khác trong chuỗi giá trị và các rủi ro trong sản xuất của người nông dân DTTS.

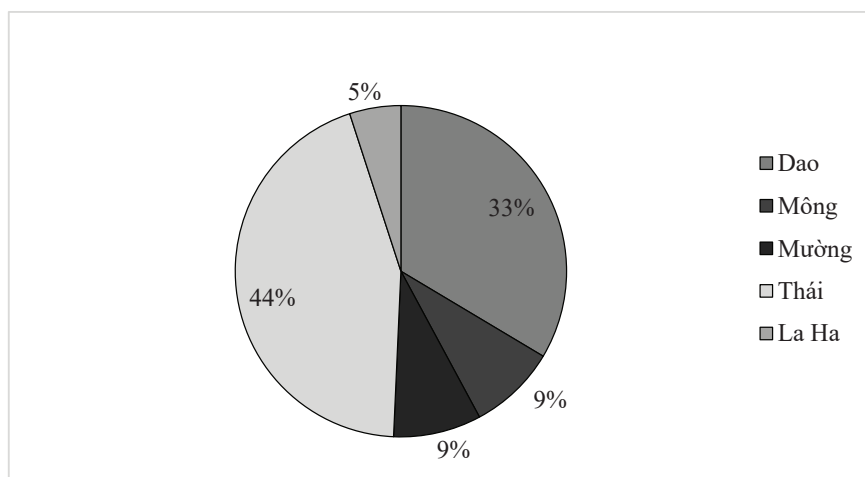
Các số liệu được phân tích bằng các phương pháp đánh giá có sự tham gia, phương pháp thống kê và phân tích hiệu quả sản xuất nông nghiệp của nông hộ. Các nội dung phân tích tập trung vào rủi ro kinh tế của hộ sản xuất chanh leo và thảo luận gắn với vấn đề chủ quyền lương thực cho nguồn nông dân DTTS.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Đặc điểm kinh tế-xã hội của hộ nông dân trong mẫu điều tra

Các hộ nông dân trong mẫu khảo sát đều là người dân tộc thiểu số, trình độ học vấn và thu nhập thấp. Số liệu điều tra cho thấy, cơ cấu dân tộc chính của hộ trong mẫu điều tra là Thái, Dao, H'Mông, Mường, đây là những dân tộc thiểu số sinh sống ở tỉnh Sơn La. Nguồn sinh kế chính của họ là sản xuất nông nghiệp, với mức thu nhập bình quân đầu người thấp, khoảng 17,27 triệu VND/người/năm, chỉ bằng hơn một nửa so với mức thu nhập bình quân đầu người ở khu vực nông thôn của cả nước là 33,95 triệu/người/năm (năm 2019).

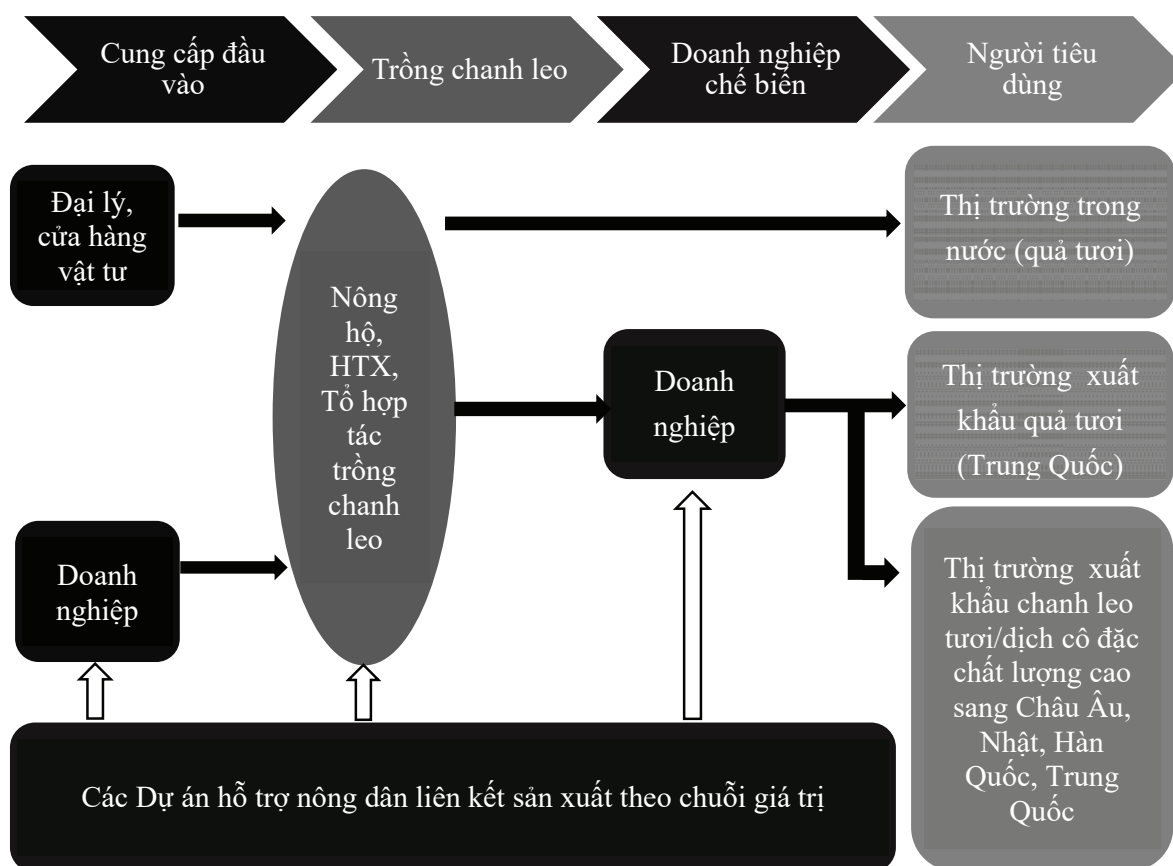
Hình 1. Cơ cấu dân tộc trong mẫu điều tra



Nguồn: Kết quả điều tra hộ, 2019

4.2. Thực trạng sản xuất chanh leo theo chuỗi giá trị của hộ nông dân dân tộc thiểu số

Hình 2. Chuỗi giá trị chanh leo điển hình ở địa bàn nghiên cứu



Nguồn: Tổng hợp từ Kết quả khảo sát 2019 và 2021

Theo số liệu thống kê của tỉnh Sơn La, cây chanh leo được đưa vào trồng trên địa bàn tỉnh từ năm 2015. Diện tích trồng chanh leo tăng lên nhanh, năm 2017 đạt hơn 550 ha, và đạt đỉnh hơn 2.000 ha vào năm 2019 (Cục Thống kê Tỉnh Sơn La, 2020). Kết quả phỏng vấn sâu cho thấy sự mở rộng nhanh chóng diện tích trồng chanh leo ở Sơn La được xem là một phần kết quả của chính sách khuyến khích trồng cây ăn quả được

kì vọng có hiệu quả kinh tế cao hơn các cây trồng truyền thống. Năm 2018 sau khi chanh leo được quy hoạch vùng trồng tại 2 huyện Vân Hồ và Mộc Châu, diện tích chanh leo tăng nhanh. Tuy nhiên, từ 2020 sau đó diện tích trồng giảm mạnh do chanh leo bị sâu bệnh nặng, cùng với đó là giá tiêu thụ chanh leo sụt giảm nhanh, nhiều hộ dân chỉ trồng 1-2 năm rồi cắt bỏ (Nguyễn Minh Đức & Nguyễn Hải Yến, 2021).

Theo kết quả khảo sát, cây chanh leo được đưa vào trồng tại Sơn La theo hai kênh chính: 1) Các dự án xóa đói giảm nghèo của một số tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ hỗ trợ phát triển sinh kế cho các hộ nghèo DTTS, 2) Các doanh nghiệp đưa cây chanh leo vào trồng theo mô hình liên kết.

Ban đầu, mô hình liên kết trồng và tiêu thụ chanh leo tại Sơn La được thực hiện chính thức từ 2016-2017, và mở rộng nhanh từ 2018, sau khi cây chanh leo được tính quy hoạch vùng trồng. Với sự hỗ trợ từ dự án Giảm nghèo của tỉnh và một số dự án của các tổ chức phi chính phủ, vùng nguyên liệu trồng chanh leo xây dựng, các hộ nghèo DTTS được hỗ trợ cây giống, phân bón, vật tư đầu vào, kỹ thuật đã tham gia liên kết sản xuất với doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu.

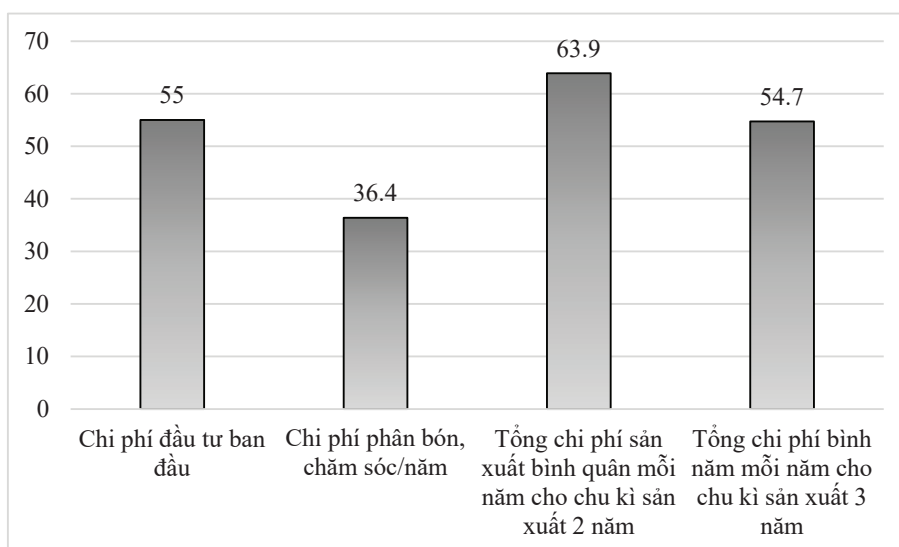
Sau khi vùng nguyên liệu được quy hoạch, các doanh nghiệp mở rộng vùng trồng ở những diện tích có đất phù hợp và thuyết phục dân tham gia liên kết. Các doanh nghiệp đã hợp đồng với nhóm hộ hoặc hợp tác xã trồng chanh leo cung cấp quả cho doanh nghiệp chế biến. Khi hình thành liên kết, doanh nghiệp sẽ ứng vốn bằng cây giống, cung cấp vật tư đầu vào (phân bón, thuốc bảo vệ thực vật (BVTV)) và hỗ trợ kỹ thuật sản xuất cho người dân.

Trong hợp đồng bao tiêu, doanh nghiệp thường cam kết mua quả chanh leo với giá đã ký trong hợp đồng, hoặc theo giá thị trường nếu giá thị trường tại thời điểm giao dịch cao hơn giá trong hợp đồng. Đổi lại các hộ dân phải cam kết bán sản phẩm cho doanh nghiệp khi thu hoạch và tuân thủ nghiêm ngặt quy trình kỹ thuật do doanh nghiệp đưa ra để đảm bảo chất lượng của sản phẩm. Các khoản đầu tư ban đầu của doanh nghiệp cho hộ sẽ được khấu trừ khi hộ bán sản phẩm cho doanh nghiệp.

4.3. Hiệu quả sản xuất chanh leo và rủi ro của hộ dân khi liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị

Kết quả điều tra hộ cho thấy chi phí để tham gia sản xuất chanh leo là khá cao. Cụ thể, chi phí đầu tư thiết kế vườn trồng khá lớn, bình quân là 55 triệu VND/ha, chi phí trung bình cho vật tư, công chăm sóc, thu hoạch là 36,4 triệu VND/năm. Như vậy, với chu kỳ sản xuất chỉ 2-3 năm như hiện tại thì chi phí bình quân trên một ha trồng chanh leo từ 54,7 đến 63,9 triệu VND/ha/năm. Đây là một khoản đầu tư khá lớn khi so với điều kiện kinh tế của các hộ dân người dân tộc thiểu số ở địa bàn nghiên cứu.

Hình 3. Chi phí bình quân sản xuất chanh leo (triệu VND/ha)



Nguồn: Kết quả điều tra hộ, 2019

Thực tế, kết quả khảo sát cũng cho thấy rằng để có tiền đầu tư sản xuất chanh leo thì nông hộ đã phải vay vốn, bởi hầu hết các hộ không có tiền tích lũy đủ lớn cho đầu tư sản xuất. Có tới gần 50% hộ vay vốn để đầu tư, mức vay bình quân của một hộ là 55,7 triệu VND.

Về hiệu quả của mô hình liên kết này, theo kết quả điều tra, thấp hơn nhiều so với kỳ vọng ban đầu. Thứ nhất, tình trạng các vườn chanh leo bị sâu bệnh nặng xảy ra khá phổ biến mà không xử lý được, dẫn đến cây chết hoặc phát triển kém, cho năng suất thấp. Theo kết quả khảo sát, trung bình 1 ha chanh leo một năm có thể cho thu trên 20 tấn quả tươi khi phát triển bình thường. Nhưng nhiều vườn chanh leo bị sâu bệnh nặng nên năng suất trung bình chỉ đạt khoảng 8 tấn/ha (Bảng 1). Chất lượng sản phẩm thấp phần lớn không đạt tiêu chuẩn của doanh nghiệp dẫn tới phải bán ra thị trường tự do với giá thấp, trung bình là 7000-8000 VND/kg, năm 2019 và 4000 – 5000 VND/kg năm 2020 (so với giá mà doanh nghiệp cam kết từ 15000 – 20000 VND/kg, năm 2019 thì giá thực tế mà người dân bán chưa bằng 1/3). Với thực trạng này thì doanh thu bình quân trên một ha là 61,5 triệu VND, cho thu nhập hỗn hợp âm ở mức -2,4 triệu VND/ha/năm. Như vậy, nhiều hộ trồng chanh leo bị lỗ và rơi vào cảnh mắc nợ. Có thể thấy, mức thu nhập khác hẳn so với mức thu nhập kỳ vọng được tính toán dựa trên các mô hình trồng thí điểm của các doanh nghiệp là khoảng 245 triệu VND/ha/năm, được truyền thông với người dân khi mở vùng nguyên liệu.

Bảng 1. Kết quả, hiệu quả sản xuất chanh leo của nông hộ

Chỉ tiêu	Giá trị kỳ vọng dựa trên mô hình trình diễn	Giá trị thực tế bình quân ^b	Độ lệch chuẩn
Năng suất chanh leo năm 2019 (tấn/ha)	20	8,0	7,6
Tổng doanh thu trên 1 ha (triệu VND/ha/năm)	300	61,5	60,9
Chi phí đầu tư ban đầu phân bổ cho 1 năm (triệu VND/ha)	18.3 ^a	27,5	2,2
Tổng chi phí vật tư trên 1 ha (triệu VND/ha/năm)	36,4	36,4	6,5
Thu nhập hỗn hợp bình quân trên 1 ha (triệu VND/ha/năm)	245	-2,4	4,5

Ghi chú:

Tính toán cho chu kỳ sản xuất 3 năm theo dự tính

Tính toán cho chu kỳ sản xuất 2 năm như diễn ra trên thực tế

Nguồn: Kết quả điều tra hộ, 2019

Các nguyên nhân làm cho hiệu quả sản xuất chanh leo của hộ theo hình thức liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị không thành công như kỳ vọng bao gồm:

Nguyên nhân trực tiếp là do chanh leo bị nhiễm bệnh nặng. Kết quả khảo sát cho thấy sau 1-2 năm trồng chanh leo đã xuất hiện đến 15 loại sâu và bệnh hại, nghiêm trọng nhất là bệnh do vi rút hóa bản. Hiện nay, bệnh vi-rút hóa bản ở cây chanh leo chưa có thuốc chữa và có khả năng lây lan nhanh. Khi phát hiện những cây chanh leo bị mắc bệnh này thì cách duy nhất để giải quyết là nhổ bỏ và tiêu hủy.

Thứ hai, cây chanh leo là một cây trồng mới, người dân chưa có kiến thức, kinh nghiệm trồng và chăm sóc. Thực tế cho thấy mặc dù có khoảng 57,9% cho biết đã được cán bộ kỹ thuật của doanh nghiệp tập huấn về kỹ thuật sản xuất chanh leo chất lượng cao (VietGAP, GlobalGAP), nhưng tỷ lệ áp dụng đúng quy trình khá thấp (38,8%) và chỉ áp dụng một phần trong chọn giống và sử dụng phân bón đạt tiêu chuẩn. Đa phần, họ trồng và chăm sóc dựa trên kinh nghiệm làm nông của mình và tự học hỏi của những hộ đã trồng trước đó (Bảng 2). Như vậy, đa số nông hộ chưa hiểu quy trình sản xuất theo VietGAP, GlobalGAP, họ cũng không biết rõ quy trình sản xuất đạt tiêu chuẩn chất lượng của doanh nghiệp. Có thể nói, đây chính là một nguyên nhân quan trọng dẫn đến kết quả sản xuất chanh leo không đạt như dự tính.

Bảng 2. Nguồn nắm bắt kỹ thuật trồng chanh leo của nông hộ

	Tỷ lệ
1. Tự làm	28,6%
2. Học các hộ xung quanh	25,8%
3. Theo hướng dẫn của cán bộ khuyến nông xã/huyện	26,9%
5. Theo hướng dẫn của cán bộ kỹ thuật của doanh nghiệp	57,9%
- Tỷ lệ hộ có áp dụng quy trình kỹ thuật sản xuất của doanh nghiệp	38,8%

Nguồn: Kết quả điều tra hộ, 2019

Thứ ba là cây giống kém chất lượng cũng được cho là nguyên nhân. Theo mô hình liên kết, phần lớn cây giống những hộ tham gia mô hình sử dụng được cung cấp bởi dự án hỗ trợ phát triển hoặc doanh nghiệp

chế biến tham gia liên kết. Tuy nhiên, do giá cây giống mà doanh nghiệp cung cấp (30.000 đồng/cây, năm 2019) cao hơn nhiều so với giá cây giống trên thị trường (khoảng 20.000 đồng/cây) nên trên nhiều diện tích trồng chanh leo, người dân sử dụng giống không rõ nguồn gốc. Việc bảo đảm cung cấp cây giống tốt cho các hộ dân gặp khó khăn do sự chênh lệch khá lớn về giá cây giống do doanh nghiệp cung cấp và giá giống trên thị trường.

Thứ tư, nông hộ tham gia liên kết không được hỗ trợ kỹ thuật đầy đủ trong suốt quá trình canh tác như cam kết ban đầu. Nhiều hộ dân chia sẻ rằng, cả vườn trồng của họ bị bệnh lạ không chữa được (theo các chuyên gia về bảo vệ thực vật thì đây là bị bệnh do vi rút), kết quả là vườn chanh leo của họ không cho thu hoạch và phải phá bỏ, không trồng lại được.

Thứ năm, một số doanh nghiệp đưa ra các tiêu chuẩn về chất lượng sản phẩm khó định lượng với người dân. Thực tế cho thấy các doanh nghiệp này phân loại sản phẩm thành nhiều loại và khi thu mua của hộ liên kết chỉ thu mua những quả “đủ tiêu chuẩn” chứ không phải thu mua toàn bộ. Có doanh nghiệp “phân loại chất lượng quả đến 12 loại,” với các mức giá chênh lệch đáng kể giữa các loại. Theo phân loại này tỷ lệ quả đạt chất lượng cao được trả giá cao nhất thường không quá 20% tổng lượng quả thu hoạch. Thêm vào đó, các doanh nghiệp thường áp dụng tiêu chuẩn chất lượng làm hàng rào kỹ thuật để không mua sản phẩm khi giá thị trường xuống thấp. Người dân phải tự lo tiêu thụ sản phẩm với giá thấp trong khi khoản ứng vốn của doanh nghiệp trở thành khoản vay nợ.

4.4. Rủi ro của người dân tộc thiểu số khi tham gia vào chuỗi giá trị chanh leo

Với thực tế nêu trên, các hộ tham gia liên kết phải đối mặt với những rủi ro và bất lợi như sau:

Thứ nhất, giá bán sản phẩm dao động lớn và khi giá rớt làm cho hộ giảm thu nhập so với cây trồng khác, thậm chí thua lỗ. Điều này ảnh hưởng nặng nề đến cuộc sống của hộ. Ở thời điểm chanh leo mới được đưa vào Sơn La năm 2017-2018, sản lượng ít, thị trường tiêu thụ dễ dàng, giá quả chanh leo tươi bán tại vườn đạt trung bình trên 20.000 VND/kg, có khi lên đến 45.000 VND/kg. Tuy nhiên vào thời điểm tháng 6/2021 giá thu mua trung bình chỉ còn khoảng 4.000-5.000 VND/kg, tức giảm tới 10 lần. Thời điểm rẻ nhất là tháng 5-6/2020, người dân chỉ bán được với mức giá 2.000-2.500 VND/kg. Với mức giá chanh leo bình quân 4.000 – 5.000 VND/kg, năm 2020 người dân trồng chanh leo không có thu nhập, thậm chí họ còn bị lỗ, với mức lỗ trung bình là 18,7 triệu VND/ha. So sánh với trồng ngô (cây trồng trước khi chuyển sang trồng chanh leo), để bằng thu nhập từ trồng ngô (thu nhập hỗn hợp từ trồng ngô trung bình là 8,5 triệu VND/ha/năm), thì mức giá của chanh leo phải đạt khoảng 8.000 VND/kg.

Thứ hai, gần 70% số hộ trong mẫu khảo sát sau 2 năm trồng chanh leo, vùng trồng bị nhiễm bệnh, doanh thu không bù đắp được chi phí đầu tư và lâm vào hoàn cảnh mắc nợ doanh nghiệp do họ không thể thanh toán được chi phí đầu tư ban đầu đã vay. Một số hộ được khảo sát cho biết họ chưa biết làm thế nào để trả nợ cho doanh nghiệp, do chưa có biện pháp cải thiện năng suất, chất lượng, và giá chanh leo vẫn thấp.

Thứ ba, với những diện tích đã đăng ký tham gia liên kết, hộ không dễ dàng để cắt bỏ cây chanh leo dù không hiệu quả do có ràng buộc về khoản vốn vay ban đầu. Với những hộ sử dụng phần lớn diện tích đất sản xuất của mình để trồng chanh leo, ràng buộc này làm cho sinh kế, thu nhập của họ bị ảnh hưởng nặng nề.

Thứ tư, chanh leo là cây ăn quả có tính thương phẩm cao. Quả chanh leo nếu không bán được thì hộ chỉ còn cách vứt bỏ, không tận dụng được làm thực phẩm hay cho chăn nuôi như hầu hết các sản phẩm nông nghiệp khác. Khi hộ tham gia liên kết, vùng trồng mở rộng, việc tiêu thụ phụ thuộc rất lớn vào khả năng thu mua của doanh nghiệp. Đặc biệt, với cú sốc về thị trường do Covid-19 gây ra trong giai đoạn 2019-2021, việc tiêu thụ rất khó khăn, giá bán và doanh thu sụt giảm nghiêm trọng.

Thứ năm, chanh leo là giống cây mới ngoại nhập, kiến thức, kỹ thuật chăm sóc, xử lý bệnh cây chưa có, chưa đầy đủ. Do đó, các nông hộ người DTTS không xử lý được dịch bệnh. Đặc biệt, tình trạng các hộ dân không nhận được hỗ trợ kỹ thuật đầy đủ từ doanh nghiệp như cam kết ban đầu. Như vậy, hộ dân phải tự gánh chịu các thiệt hại, rủi ro.

Cuối cùng, có ít doanh nghiệp có chiến lược đầu tư dài hạn và tạo dựng môi liên kết bền vững với người trồng chanh leo. Khi liên kết sản xuất với người dân, đặc biệt các hộ DTTS, hầu hết các doanh nghiệp đặt mục tiêu mở rộng vùng sản xuất nhanh chóng nhưng không đi kèm với việc xây dựng kế hoạch dự phòng rủi ro nhằm hỗ trợ và đồng hành với người dân trước các biến cố của thị trường, và các rủi ro về mặt kỹ thuật.

4.5. Thảo luận

Trong những năm gần đây, phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất quy mô lớn, theo chuỗi giá trị trong đó người nông dân liên kết với doanh nghiệp để tạo vùng nguyên liệu và định hướng thị trường xuất khẩu đang trở thành xu hướng (Hồ Ngọc Khương, 2022). Xu hướng này đã đem lại nhiều kết quả tích cực cho sự tăng trưởng của ngành nông nghiệp nói riêng và nền kinh tế của Việt Nam nói chung. Nhiều mô hình liên kết sản xuất nông nghiệp quy mô lớn hướng tới thị trường xuất khẩu giữa hộ nông dân với doanh nghiệp đã hình thành và đang hoạt động hiệu quả đã làm kim ngạch xuất khẩu nông sản của Việt Nam tăng rõ rệt (Tổng cục thống kê, 2022).

Tuy nhiên, chính sách phát triển nông nghiệp hàng hóa, quy mô lớn theo chuỗi giá trị cũng có thể đưa lại những rủi ro về chủ quyền lương thực cho nhóm hộ nông dân nghèo. Kết quả nghiên cứu này cho thấy khi tham gia sản xuất chanh leo theo chuỗi giá trị thì người nông dân DTTS đối mặt với các nguy cơ làm suy giảm các tiêu chí chủ quyền lương thực như Claeys (2015) đã đưa ra.

Thứ nhất, sản xuất chanh leo làm suy giảm quyền tự chủ của người nông dân. Bởi vì, chanh leo là cây trồng ngoại nhập. Hộ nông dân phụ thuộc vào nguồn cung cấp giống từ các doanh nghiệp nhập khẩu giống. Họ cũng bị phụ thuộc vào các vật tư đầu vào với chi phí cao và kỹ thuật sản xuất mới lạ. Điều này làm suy yếu sự đóng góp của kiến thức bản địa và quyền tự chủ của họ trong sản xuất nông nghiệp.

Thứ hai, chanh leo là cây trồng mới nên sản xuất chanh leo có nhiều rủi ro đối với nông dân DTTS. Thực tế cho thấy, người nông dân DTTS gặp nhiều rủi ro về dịch bệnh. Họ không có kiến thức để phòng cũng như xử lý bệnh của chanh leo. Thêm vào đó, khi sản xuất chanh leo theo chuỗi giá trị, nông hộ phải làm theo quy trình sản xuất xuất, tiêu chuẩn chất lượng của thị trường đích. Đây là những đòi hỏi khó, xa lạ đối với người nông dân DTTS, đồng thời đặt họ vào rủi ro không tiêu thụ được khi sản phẩm không đạt tiêu chuẩn về chất lượng.

Thứ ba, sản xuất chanh leo theo chuỗi giá trị tiềm ẩn nguy cơ mất nguồn sinh kế bền vững. Chanh leo là cây có tính thương phẩm cao. Khi vùng sản xuất được mở rộng nhanh chóng, cung tăng nhanh, việc tiêu thụ khó khăn và giá giảm, người nông dân đối mặt với thua lỗ. Thêm vào đó, với nông hộ DTTS nghèo, khi đã chuyển đổi đất từ trồng ngô sang trồng chanh leo, họ thường vay vốn đầu tư ban đầu lớn, khi thua lỗ thì họ không chỉ đối mặt với nguy cơ thiếu nguồn tự cung về lương thực và còn có thể đứng trước nguy cơ mất nguồn tài sản quan trọng để bảo đảm sinh kế bền vững đó là đất đai.

Tóm lại, là nhóm yếu thế trong chuỗi giá trị, các hộ nông dân DTTS thường bị dẫn dắt trong việc tham gia liên kết sản xuất với các doanh nghiệp. Sự tham gia của họ được hấp dẫn bởi các mô hình trình diễn của các doanh nghiệp hoặc được truyền thông rằng việc tham gia vào chuỗi liên kết là có lợi, các rủi ro thường không được nêu ra. Họ thường thiếu đủ kiến thức và khả năng thực hành sản xuất theo yêu cầu của mô hình liên kết, nhất là với các cây trồng mới, ngoại lai như chanh leo. Thêm vào đó, việc phải đóng góp phần lớn nguồn lực đất đai, lao động, tài chính của mình vào sản xuất tạo ra nguy cơ rủi ro mất thu nhập, nợ nần. Điều này dẫn đến việc họ bị mất cơ hội sản xuất các cây trồng bản địa phù hợp với năng lực sản xuất, văn hóa và bảo đảm cung cấp lương thực và sinh kế bền vững (Sarna & cộng sự, 2020; Soper, 2020).

Trong giai đoạn hiện nay, khi sự phát triển của ngành nông nghiệp vẫn được dẫn dắt bởi các chuỗi giá trị toàn cầu thì vấn đề chủ quyền lương thực, đặc biệt cho các hộ dân nghèo DTTS nên được quan tâm là một trong những mục tiêu quan trọng của phát triển nông nghiệp bền vững. Theo đó, trong các chính sách phát triển nông nghiệp cần có các đánh giá cẩn trọng về lợi thế so sánh, về nhu cầu và năng lực sản xuất theo chuỗi giá trị của người dân, cũng như đánh giá đầy đủ, khách quan về các rủi ro mà họ có thể phải đối mặt khi tham gia vào chuỗi giá trị nông sản. Các đánh giá này sẽ giúp cho việc đạt mục tiêu tăng trưởng và tăng hiệu quả kinh tế trong ngành nông nghiệp đồng thời bảo đảm quyền lợi của người nông dân sản xuất nhỏ. Đồng thời, các đánh giá về rủi ro rất hữu ích để tránh được việc quy hoạch chủ quan không phù hợp, không phát huy được lợi thế của vùng, nguy cơ bản địa hóa người sản xuất nhỏ. Việc đảm bảo quyền cho hộ nông dân người DTTS trong việc ra quyết định sản xuất cái gì, sản xuất ở quy mô nào, sản xuất như thế nào dựa trên nhu cầu, năng lực, điều kiện tự nhiên và điều kiện về tư liệu sản xuất của riêng họ sẽ góp phần đảm bảo chủ quyền lương thực cho họ. Điều này phù hợp với mục tiêu phát triển bền vững nông nghiệp, nông thôn (Tô Kim Huệ, 2021).

5. Kết luận

Định hướng phát triển kinh tế nông nghiệp gắn với chuỗi giá trị nông sản toàn cầu đã mang lại sự tăng trưởng cao của ngành nông nghiệp. Tuy nhiên, đi cùng với những thành tựu đó là những rủi ro về chủ quyền lương thực của người DTTS khi họ tham gia vào chuỗi giá trị nông sản toàn cầu. Kết quả nghiên cứu trường hợp ở Sơn La cho thấy, người nông dân DTTS khi tham gia vào chuỗi giá trị chanh leo đã gặp phải nhiều rủi ro, bao gồm cả rủi ro về kỹ thuật, rủi ro về thị trường và rủi ro liên quan đến chính sách. Với sự hạn chế về năng lực cả năng lực sản xuất, nguồn vốn đầu tư, người nông dân DTTS thiếu khả năng quản lý rủi ro và dễ bị tổn thương dẫn đến mất nguồn sinh kế ổn định, bền vững.

Do vậy, trong quá trình xây dựng, thực hiện các chính sách phát triển nông nghiệp, điều thực sự cần thiết là có một cách tiếp cận bảo đảm quyền lợi của người nông dân. Các chính sách phát triển cần xem xét sự phù hợp với điều kiện về kinh tế, xã hội, và năng lực và truyền thống sản xuất của người dân, của cộng đồng để bảo đảm được chủ quyền lương thực cho người nông dân. Bên cạnh đó, để người nông dân DTTS có thể tiếp cận, bắt kịp xu hướng phát triển của nền kinh tế nông nghiệp theo chuỗi giá trị cần có các giải pháp tạo cơ hội đào tạo nâng cao kỹ năng sản xuất, ứng dụng công nghệ mới, năng lực làm chủ và ra quyết định theo tư duy kinh tế thị trường cho người nông dân sản xuất nhỏ. Khi năng lực tự chủ và ra quyết định được cải thiện thì khả năng tự chủ để bảo đảm chủ quyền lương thực của họ cũng tăng lên.

Lời thừa nhận/Cảm ơn: Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Rosa Luxemburg (RLS), Cộng hoà Liên bang Đức. Các kết quả được trình bày trong bài báo là phát hiện của nhóm nghiên cứu và không phản ánh quan điểm của RLS.

Tài liệu tham khảo

- Anderson, C. R., Bruil, J., Chappell, M. J., Kiss, C. & Pimbert, M. P. (2021), *Agroecology Now!: Transformations Towards More Just and Sustainable Food Systems*, Springer Nature, Switzerland.
- Andrée, P., Ayres, J., Bosia, M. & Mássicotte, M.-J. (2014), *Globalization and food sovereignty: global and local change in the new politics of food*, University of Toronto Press, Toronto, Canada.
- Brun, L. (2018), 'Land grabbing threatens agroecology in Senegal', *Farming Matters*, 34(1.1/1.2), 26-29.
- Claeys, P. (2015), *Human rights and the food sovereignty movement: Reclaiming control*, Routledge, New York.
- Cục Thống kê Tỉnh Sơn La (2020), *Niên Giám Thống kê tỉnh Sơn La năm 2019*, Nhà xuất bản Thống kê. Hà Nội.
- De Vaus, D. (2013), *Surveys in social research*, Routledge, London, UK.
- Heredia, B., Medeiros, L., Palmeira, M., Cintrão, R. & Leite, S. P. (2006), 'Regional impacts of land reform in Brazil', In Rosset, P. Patel, R. & Courville, M. (Eds), *Promised land: Competing visions of agrarian reform*, Food First Books, California, USA, 277-300.
- Hồ Ngọc Khuong (2022), 'Cơ hội và thách thức trong phát triển hàng nông sản gắn với chuỗi giá trị tại Việt Nam', Kỷ yếu Hội thảo *Kinh doanh nông sản Việt từ giải pháp phát triển hệ sinh thái nông nghiệp và thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo trong bối cảnh hội nhập*, Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội, 137-144.
- Lê Quang Tuấn (2022), 'Phát triển nông nghiệp bền vững ở Việt Nam hiện nay', *Tạp chí Công Thương*, 13, 99-103.
- Misra, M. (2018), 'Moving away from technocratic framing: agroecology and food sovereignty as possible alternatives to alleviate rural malnutrition in Bangladesh', *Agriculture Human Values*, 35(2), 473-487.
- Nguyễn Minh Đức & Nguyễn Hải Yến (2021), 'Thách thức trong liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị: Nghiên cứu trường hợp chuỗi giá trị chanh leo ở Sơn La', *Tạp chí Kinh tế & Phát triển*, 285(II), 112-121.
- Nguyễn Văn Hùng (2021), 'Giải pháp phát triển nông nghiệp bền vững ở Việt Nam', *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, 14, 26 - 29.
- Parraguez-Vergara, E., Contreras, B., Clavijo, N., Villegas, V., Paucar, N. & Ther, F. (2018), 'Does indigenous and campesino traditional agriculture have anything to contribute to food sovereignty in Latin America? Evidence from

-
- Chile, Peru, Ecuador, Colombia, Guatemala and Mexico’, *International Journal of Agricultural Sustainability*, 16(4-5), 326-341.
- Patel, R. (2009), ‘Food sovereignty’, *The Journal of Peasant Studies*, 36(3), 663-706.
- Phan Thị Minh Hiền (2022), ‘Phát huy vai trò chủ thể của nông dân trong phát triển nông nghiệp bền vững ở Đồng Tháp hiện nay’, *Khoa học xã hội Việt Nam*, 7, 39-47.
- Sarna, K., Ismail, N. & Supriyono, H. (2020), ‘After the Trade Dispute: Is Indonesian Food Sovereignty Threatened?’, *Udayana Journal of Law and Culture*, 4, 171. DOI: 10.24843/UJLC.2020.v04.i02.p03.
- Schreer, V. & Padmanabhan, M. (2020), ‘The many meanings of organic farming: framing food security and food sovereignty in Indonesia’, *Organic Agriculture*, 10(3), 327-338.
- Soper, R. (2020), ‘From protecting peasant livelihoods to essentializing peasant agriculture: problematic trends in food sovereignty discourse’, *The Journal of Peasant Studies*, 47(2), 265-285.
- Tổng cục thống kê (2021), *Niên giám Thống kê 2020*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
- Tổng cục thống kê (2022), *Niên Giám Thống Kê năm 2022*, Nhà xuất bản Thống Kê, Hà Nội.
- Tô Kim Huệ (2021), ‘Chính sách tài chính phát triển nông nghiệp bền vững tại Việt Nam: Thực trạng và giải pháp’, *Tạp chí Kinh tế Tài chính Việt Nam*, truy cập ngày 8/8/2023 từ <https://mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvcstc/pages_r/chi-tiet-tin?dDocName=MOFUCM207687>.
- Van Den Broeck, G., Swinnen, J. & Maertens, M. (2017), ‘Global value chains, large-scale farming, and poverty: Long-term effects in Senegal’, *Food Policy*, 66, 97-107.